

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**  
**Cho thuê sợi cáp quang trên tuyến đường dây 220kV thuộc phạm vi quản lý**  
**của Công ty Truyền tải Điện 2**

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15

Căn cứ Thông tư 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp: Quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định thông qua bán đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng đấu giá tài sản quốc gia bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư Pháp về việc: ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ quyết định số 194/QĐ-EVNNPT ngày 29/06/2024 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Công ty Truyền tải điện 2 (PTC2);

Căn cứ văn bản số 2930/EVNNPT-KH+TCKT+VTCNTT+PC ngày 24/5/2024 về việc hướng dẫn chi tiết đấu giá cho thuê cáp quang của EVNNPT;

Căn cứ quyết định số 2186/QĐ-PTC2 ngày 28/8/2025 của Công ty Truyền tải Điện 2 về việc phê duyệt dự toán chi phí ‘Cho thuê sợi cáp quang trên tuyến đường dây 220kV thuộc phạm vi quản lý của Công ty Truyền tải Điện 2

Công ty Truyền tải điện 2 là đơn vị có tài sản cho thuê thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để cho thuê, với một số tiêu chí lựa chọn như sau:

**1. Tên, địa chỉ của Người có tài sản cho thuê: Công ty Truyền tải điện 2**

+ Địa chỉ: 220 Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

+ Văn phòng làm việc: số 478 Đường 2/9, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng.

**2. Tài sản cho thuê:** Sợi cáp quang trên tuyến đường dây 220kV thuộc phạm vi quản lý của Công ty Truyền tải Điện 2. Bao gồm:

| STT | Tuyến/Dự án                                  | Số lô dự kiến đấu giá cho thuê đợt 1 (2 sợi/1 lô) | Giá khởi điểm tài sản cho thuê (VNĐ/2sợi/Năm) |
|-----|----------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1   | Đường dây 220kV Đồng Hới -Vũng Áng           | 1                                                 | 1,698,269,073                                 |
| 2   | Đường dây 220kV Đồng Hới - Ba Đồn (rẽ nhánh) | 1                                                 | 1,700,114,158                                 |
| 3   | Đường dây 220kV Đồng Hới - Đông Hà mạch 2    | 1                                                 | 3,031,211,290                                 |
| 4   | Đường dây 220kV Huê - Hoà Khánh              | 1                                                 | 2,240,460,518                                 |
| 5   | Đường dây 220kV Hoà Khánh - Đà Nẵng          | 1                                                 | 395,375,386                                   |
| 6   | Đường dây 220kV Tam Kỳ - 500kV Dốc Sỏi       | 1                                                 | 1,180,854,485                                 |
| 7   | 220kV Đông Hà - 220kV Lao Bảo                | 1                                                 | 1,252,022,054                                 |
| 8   | 220kV Quảng Ngãi - NMTĐ Thượng Ktum          | 1                                                 | 2,135,0027,082                                |

**3. Tổng giá khởi điểm của tài sản cho thuê: 13,633,334,046 (Đã bao gồm thuế VAT, Thuế suất 8%).**

***Chi tiết như lục kèm theo (Quyết định 2186/QĐ-PTC2 ngày 29/08/2025)***

**4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải có các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và Luật số 37/2024/QH15 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá Tài sản và Điều 33- Nội dung tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được quy định cụ thể tại Thông tư số: 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 bao gồm:

***4.1 Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;***

#### ***4.2 Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá***

- + Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá;
- + Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá;
- + Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên;
- + Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến;
- + Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá.

#### ***4.3 Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả:***

- + Có phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao;
- + Có phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ);
- + Có phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá;
- + Có phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá;

#### ***4.4 Năng lực, kinh nghiệm, và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:***

- + Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành);
- + Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề;
- + Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề;
- + Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên;
- + Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động;
- + Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;
- + Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân;
- + Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề;
- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng;

#### ***4.5 Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản cho thuê do Công ty Truyền tải điện 2 quyết định.***

*(Phụ lục yêu cầu chi tiết theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản kèm theo thông báo này)*

**5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá:**

- Thời gian nhận hồ sơ: Kể từ 08h00 ngày 15 tháng 10 năm 2025 đến trước 16h00 ngày 20 tháng 10 năm 2025 (*Trong giờ hành chính*).

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện (*Hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước giờ của ngày kết thúc thông báo*).

- Địa điểm nộp hồ sơ:

+ Công ty Truyền tải điện 2;

+ Địa chỉ: 220 Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

+ Văn phòng làm việc: số 478 Đường 2/9, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng.

- Khi nộp hồ sơ đăng ký tham gia trực tiếp, người đến nộp hồ sơ cần xuất trình giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân / căn cước công dân.

- Công ty Truyền tải điện 2 sẽ có văn bản thông báo kết quả cho tổ chức đấu giá được lựa chọn trên Cổng TTQG về đầu giá TS: <https://dgts.moj.gov.vn> theo đúng quy định của pháp luật. Công ty Truyền tải điện 2 sẽ không hoàn trả hồ sơ với những đơn vị không được lựa chọn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Cổng TTQG về đầu giá TS;
- Trang Web EVNNPT;
- Trang Web PTC2;
- KTTTPC (p/hợp);
- Lưu: VT, KH, TCKT, ĐĐVT, ĐTXD.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Đình Chiến**

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
(Theo hướng dẫn tại thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                 | MỨC TỐI ĐA                |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                                                |                           |
| <b>1</b>   | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                           | <b>Đủ điều kiện</b>       |
| <b>2</b>   | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                     | <b>Không đủ điều kiện</b> |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                    | <b>19,0</b>               |
| <b>1</b>   | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                           | <b>10,0</b>               |
| 1.1        | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                                              | 5,0                       |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                                     | 5,0                       |
| <b>2</b>   | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                 | <b>5,0</b>                |
| 2.1        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                               | 2,0                       |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                                               | 3,0                       |
| <b>3</b>   | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b><br><b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b> | <b>2,0</b>                |
| <b>4</b>   | <b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>                                                                                                                                  | <b>1,0</b>                |
| <b>5</b>   | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>1,0</b>                |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                                             | <b>16,0</b>               |
| <b>1</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                                                                                                                                       | <b>4,0</b>                |
| 1.1        | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0                       |
| 1.2        | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0                       |
| <b>2</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                                                                                                                                  | <b>4,0</b>                |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 3   | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                    | 4,0  |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0  |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                             | 2,0  |
| 4   | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>                                                                                                                                             | 4,0  |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                 | 57,0 |
| 1   | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                     | 15,0 |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 12,0 |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                           | 13,0 |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                           | 14,0 |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15,0 |
| 2   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                      | 7,0  |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>                                                                                                                                                                                                                    | 4,0  |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0  |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                                                                                                               | 6,0  |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7,0  |
| 3   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.              | 7,0  |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>                                                                                                                                                                                                                                              | 4,0  |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5,0  |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6,0  |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7,0  |
| 4   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. | 3,0  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3,0 |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br/>Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |     |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
| 5   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7,0 |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4,0 |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5,0 |
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6,0 |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7,0 |
| 6   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4,0 |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2,0 |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3,0 |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0 |
| 7   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <a href="#">05/2005/NĐ-CP</a> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <a href="#">17/2010/NĐ-CP</a> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh</b> | 4,0 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <b><i>nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2,0 |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0 |
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0 |
| 8   | <b><i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5,0 |
| 8.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,0 |
| 8.2 | <i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0 |
| 8.3 | <i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0 |
| 9   | <b><i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 |
| 9.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0 |
| 9.2 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0 |
| 9.3 | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0 |
| V   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản cho thuê do người có tài sản đấu giá quyết định</b> (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)                                                                                                                                | 8,0 |
| 1   | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra cho thuê (Tài sản cố định của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1   |
| 2   | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Công ty Truyền Tải Điện 2 và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3   |

|                     |                                                                                                                                                                               |            |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 3                   | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh                                       | 1          |
| 4                   | Tiêu chí khác: Hợp đồng đấu giá thành công cho các đơn vị thuộc tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) có giá trị tài sản thanh lý (giá khởi điểm) lớn nhất trong năm trước liền kề | 3          |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                               | <b>100</b> |